

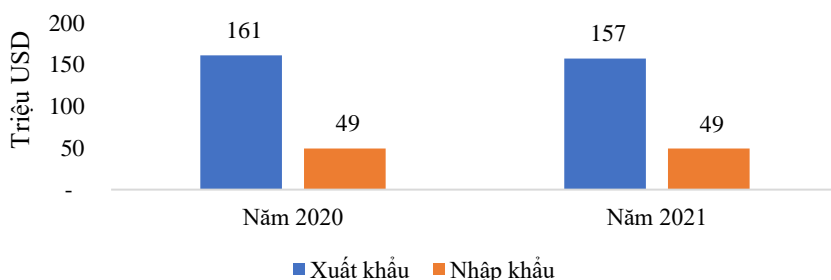
# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường HÀN QUỐC



### TÌNH HÌNH CHUNG

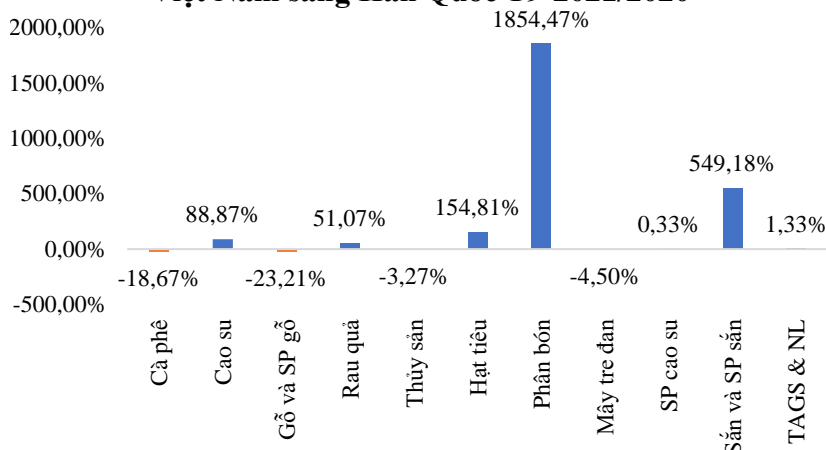
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam- Hàn Quốc T9-2021/2020**



**So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Hàn Quốc T9-2021/2020**

- Xuất khẩu ▼ 2,30 %
- Nhập khẩu ▼ 0,23 %

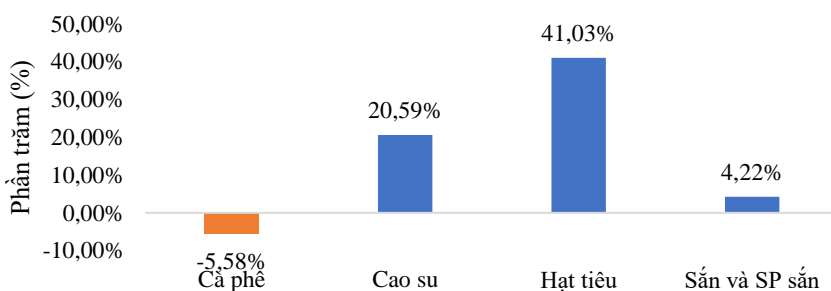
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của Việt Nam sang Hàn Quốc T9-2021/2020**



**So sánh T9-2021/2020**

- Cà phê ▼ 18,67%
- Cao su ▲ 88,87%
- Gỗ và SP gỗ ▼ 23,21%
- Hàng rau quả ▲ 51,07%
- Hàng thủy sản ▼ 3,27%
- Hạt tiêu ▲ 154,81%
- Phân bón ▲ 1854,47%
- Máy tre đan ▼ 4,50%
- SP từ cao su ▲ 0,33%
- Sản và SP sản ▲ 549,18%
- TAGS & NL ▲ 1,33%

**Biến động giá xuất khẩu bình quân T9-2021/2020**



**So sánh giá xuất khẩu BQ T9-2021/2020**

- Cà phê ▼ 5,58%
- Cao su ▲ 20,59%
- Hạt tiêu ▲ 41,03%
- Sản và SP sản ▲ 4,22%

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo báo cáo “Triển vọng kinh tế thế giới sửa đổi” công bố ngày 12/10, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự đoán tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc năm 2021 đạt 4,3%, tương tự dự báo đưa ra hồi tháng 7 vừa qua. Trong số các tổ chức trong và ngoài nước, IMF đưa ra mức dự báo cao nhất về triển vọng tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc. Trước đó, Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) và Ngân hàng trung ương Hàn Quốc (BOK) dự báo kinh tế Hàn Quốc sẽ tăng trưởng 4%, Chính phủ Seoul dự báo ở mức 4,2%.

Theo Hiệp hội Thương mại Hàn Quốc (Kita), nhập khẩu quả xoài của Hàn Quốc trong 9 tháng năm 2021 đạt 19,5 nghìn tấn, trị giá 79,4 triệu USD, tăng 32,2% về lượng và tăng 47,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Giá xoài nhập khẩu bình quân đạt 4.065,4 USD/tấn, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm 2020.

Hàn Quốc nhập khẩu quả xoài chủ yếu từ thị trường Thái Lan và Peru. Trong 9 tháng năm 2021, nhập khẩu từ 2 thị trường này chiếm 82,5% tổng lượng quả xoài nhập khẩu. Lượng và trị giá nhập khẩu chủng loại quả xoài từ 2 thị trường này đều tăng mạnh.

Việt Nam là thị trường cung cấp quả xoài lớn thứ 3 cho Hàn Quốc. Nhập khẩu quả xoài từ Việt Nam vào Hàn Quốc trong 9 tháng năm 2021 đạt 1,22 nghìn tấn, trị giá 4,8 triệu USD, tăng 38,8% về lượng và tăng 58,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Quả xoài Việt Nam hiện mới chiếm 6,3% tổng lượng nhập khẩu quả xoài của Hàn Quốc. Với tỷ trọng còn thấp như vậy, vẫn còn rất nhiều cơ hội để các doanh nghiệp xuất khẩu trái cây khai thác thị trường quả xoài Hàn Quốc. Xoài là một trong những loại cây có thể mạnh xuất khẩu của Việt Nam và là 1 trong 6 loại trái cây của Việt Nam được phép nhập khẩu vào Hàn Quốc.

Theo Ủy ban Thương mại Quốc tế Hàn Quốc, nhập khẩu hạt tiêu của nước này trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 4.568 tấn, trị giá 19 triệu USD, giảm 20,9% về lượng, nhưng tăng 17% về trị giá so với 8 tháng đầu năm 2020.

Giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của Hàn Quốc trong thời gian này đạt 4.161 USD/ tấn, tăng mạnh 47,8% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của Hàn Quốc từ hầu hết các nguồn cung chính tăng, ngoại trừ Thái Lan.

Trong 8 tháng đầu năm 2021, Hàn Quốc giảm nhập khẩu hạt tiêu Việt Nam, Indonesia, nhưng tăng mạnh nhập khẩu từ Thái Lan. Cụ thể, nhập khẩu hạt tiêu của Hàn Quốc từ Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 4.151 tấn, trị giá 16,5 triệu USD, giảm 2,3% về lượng, nhưng tăng 39,2% về trị giá so với 8 tháng đầu năm 2020.

Tuy nhiên, do tổng lượng nhập khẩu hạt tiêu của Hàn Quốc giảm mạnh, nên thị phần hạt tiêu của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc vẫn tăng từ 73,6% trong 8 tháng đầu năm 2020 lên 90,88% trong 8 tháng đầu năm 2021.

Tháng 9/2021, Việt Nam xuất khẩu 157,4 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, giảm 2,3% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, thủy sản có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 41,2%, thứ hai là gỗ và sản phẩm gỗ với 31,5%, rau quả chiếm 8,0%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, cà phê, gỗ và sản phẩm gỗ, thủy sản và mây tre đan là các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm 2020.

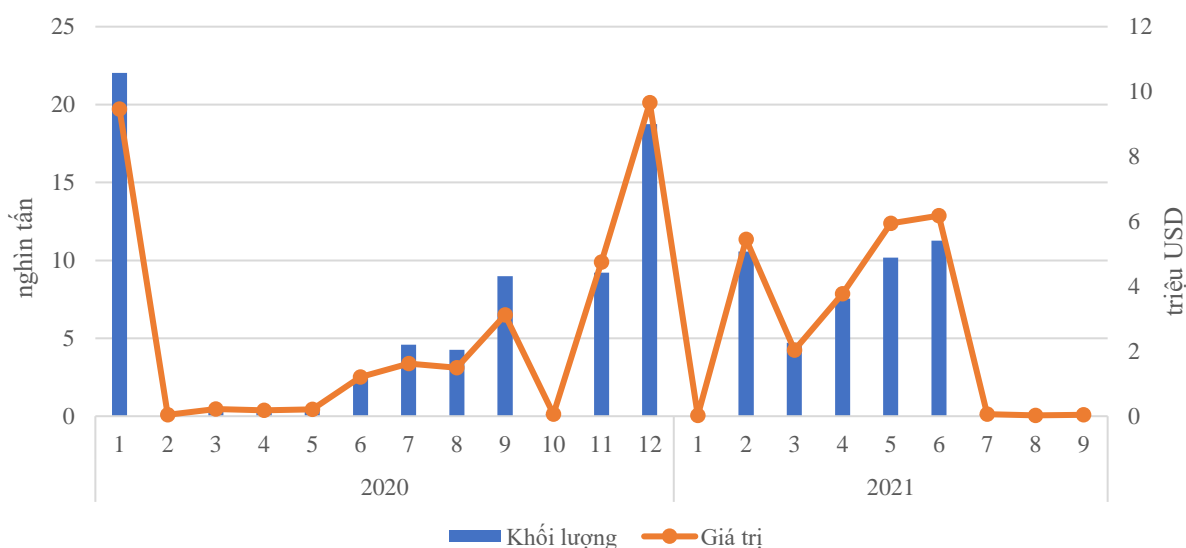
# CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

## 1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 10/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hàn Quốc trong năm 2020/21 vẫn được dự báo là sẽ đạt khoảng 3,51 triệu tấn, giảm 0,24 nghìn tấn so với năm trước. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Hàn Quốc ước đạt 450 nghìn tấn, giảm khoảng 15 nghìn tấn so với năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2021, Việt Nam xuất khẩu được 92,0 tấn gạo, trị giá 47,4 nghìn USD sang Hàn Quốc, tăng 114,0% về khối lượng và 87,7% về giá trị so với tháng trước; nhưng giảm 99,0% về khối lượng và 98,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 9 tháng đầu năm 2021 đạt 44,6 nghìn tấn gạo, trị giá 23,5 triệu USD, tăng 2,3% về khối lượng và 34,1% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

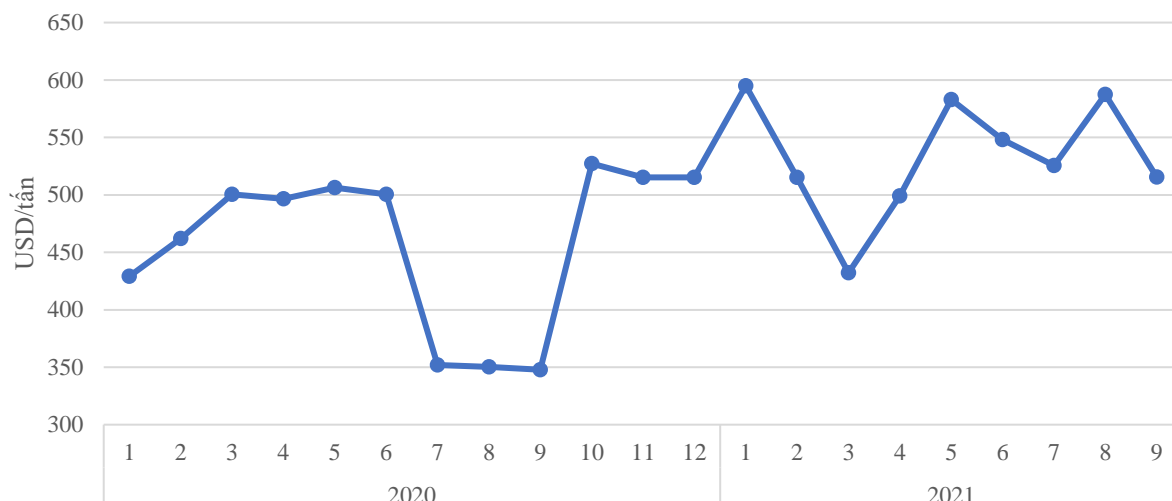
**Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 9/2021 đạt 515,4 USD/tấn, giảm 12,3% so với tháng trước, nhưng tăng 48,2% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc**

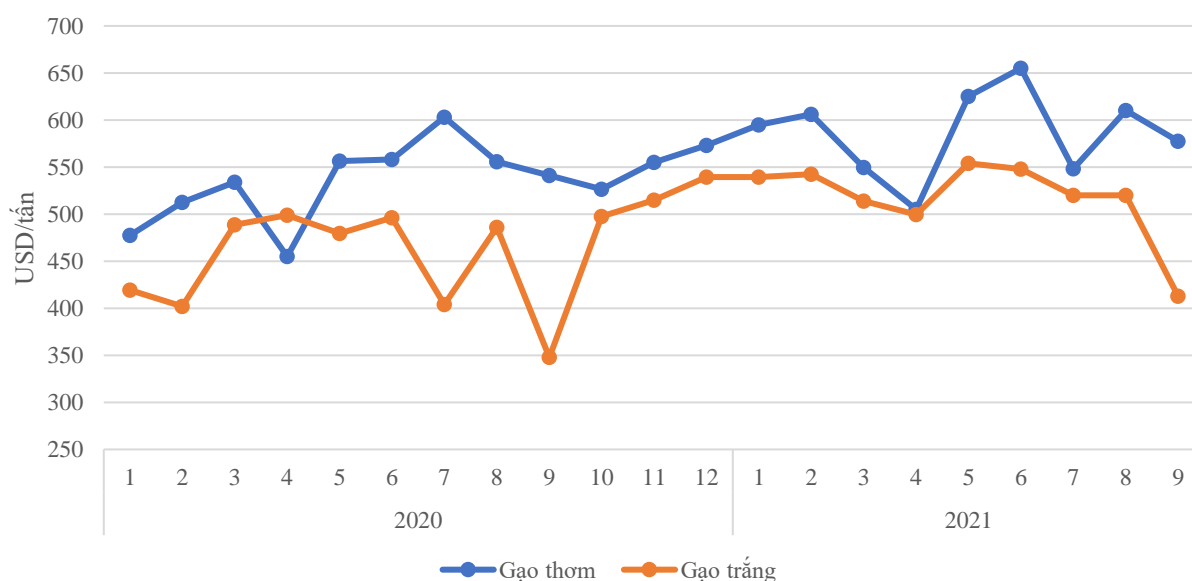


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 66,3% về khối lượng và 69,5% về giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc. Gạo trắng là mặt hàng đứng thứ hai chiếm 26,1% về khối lượng và 20,9% về giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 9/2021 đạt 577,5USD/tấn, giảm 5,3% so với tháng trước nhưng tăng 6,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu gạo trắng đạt trung bình 413,0USD/tấn, giảm 20,6% so với tháng trước nhưng tăng 18,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

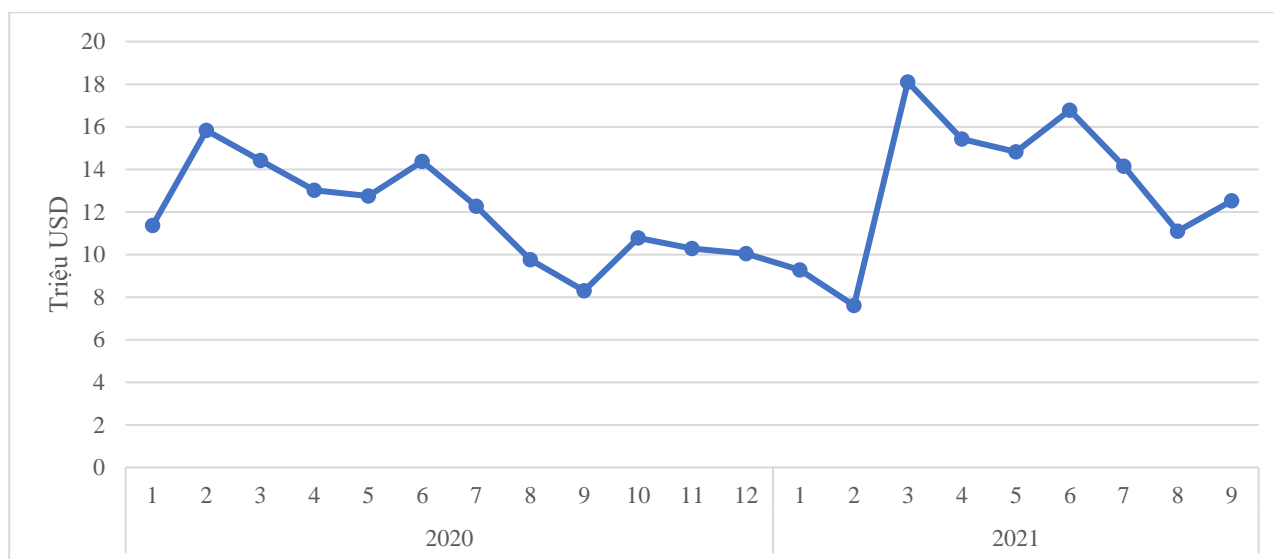
Trong tháng 9/2021, chỉ có duy nhất hai công ty xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Thành Phát và Công Ty Cổ Phần Lương Thực Bình Minh. Tỷ trọng của các công ty này lần lượt là 68,3% và 31,7% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 9/2021. Cả hai công ty này đều không xuất khẩu trong tháng 9/2020 nhưng có xuất khẩu trong tháng 9/2021.

## 2. RAU QUẢ

Theo Hiệp hội Thương mại Hàn Quốc (Kita), nhập khẩu quả xoài của Hàn Quốc trong 9 tháng đầu năm 2021 đạt 19,5 nghìn tấn, trị giá 79,4 triệu USD, tăng 32,2% về lượng và tăng 47,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Giá xoài nhập khẩu bình quân đạt 4.065,4 USD/tấn, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm 2020. Hàn Quốc nhập khẩu quả xoài chủ yếu từ thị trường Thái Lan và Peru.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 9 năm 2021 đạt 12,5 triệu USD, chiếm 5,4% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 12,9% so với tháng trước và tăng 51,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 119,8 triệu USD, chiếm 4,4% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 7,0% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc**



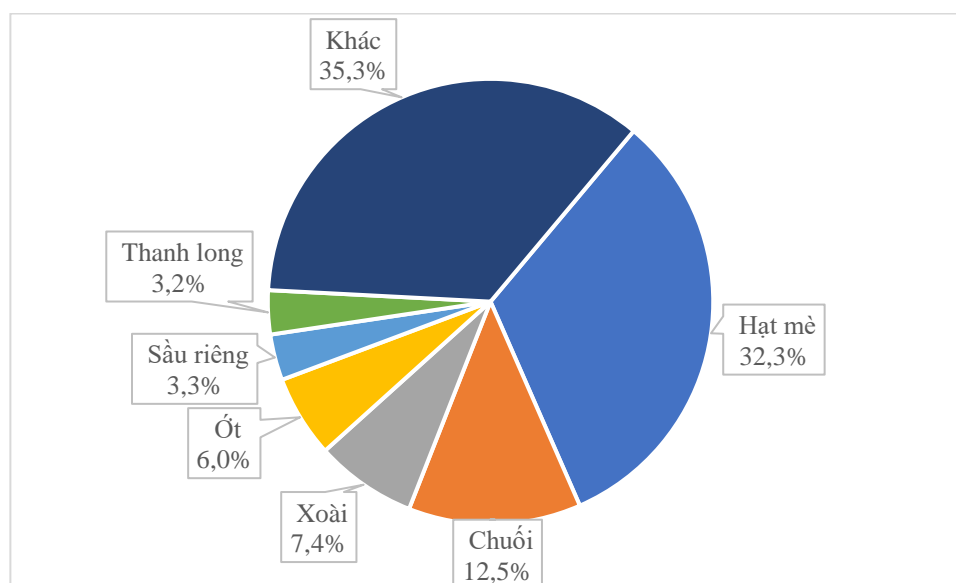
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 9 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 5,4 triệu USD (chiếm 43,0% thị phần, tăng 87,0% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 7,1 triệu USD (chiếm 57,0% thị phần), tăng 32,0%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sây

khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 5,8 triệu USD, tăng 47,3% so với cùng kỳ năm trước; (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 596,5 nghìn USD (giảm 12,0%); (iii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 550,5 nghìn USD (tăng 29,1%); v.v.

Trong tháng 9 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: hạt mè đạt 4,0 triệu USD (chiếm 32,3% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 36,6% so với cùng kỳ năm 2020; chuối đạt 1,6 triệu USD (chiếm 12,5%), tăng 145,2%; xoài đạt 923 nghìn USD (chiếm 7,4%), tăng 144,6%; ớt đạt 747,2 nghìn USD (chiếm 6,0%), tăng 41,4%; v.v.

**Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 9/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 9 năm 2021 đạt 4,1 triệu USD, chiếm 3,3% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, giảm 18,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hàn Quốc đạt 29,2 triệu USD, chiếm 2,7% thị phần, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 9/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là rong biển đạt 1,6 triệu USD (chiếm 39,5%), tăng 89,9% so với cùng kỳ năm 2020; lê đạt 945,3 nghìn USD (chiếm 23,2%), giảm 50,0%; nho đạt 775,1 nghìn USD (chiếm 19,0%), giảm 31,2%; v.v.

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Y.K. Vina, Công ty TNHH Dole Việt Nam và Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam với thị phần xuất khẩu lần lượt là 30,3%; 10,9% và 8,3%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty TNHH Y.K. Vina tăng 22,7%, Công ty TNHH Dole Việt Nam tăng 384,5% và Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam tăng 214,9%.

### 3. CÀ PHÊ

Mới đây, các nhà rang xay Hàn Quốc có thể mua cà phê xanh trực tiếp thông qua ứng dụng Typica. Trong vòng một năm kể từ khi ra mắt, Typica đã thiết lập mạng lưới giao dịch trực tiếp giữa nông dân trồng cà phê và nhà rang xay tại hơn 2.000 địa điểm ở 12 quốc gia trên thế giới. Họ có kế hoạch thiết lập một mạng lưới trong đó nông dân và nhà rang xay cà phê giao dịch trực tiếp tại hơn 5.000 địa điểm ở 70 quốc gia vào năm 2025. Typica đã hạ thấp đáng kể đơn vị giao dịch, tiết lộ chuỗi cung ứng và chi tiết giá của tất cả các đơn đặt hàng đang lưu hành trên nền tảng. Các bên có thể giao dịch hạt cà phê nhân từ 1 bao (60 kg), giảm đáng kể so với đơn vị container tiêu chuẩn ngành (18 tấn). Ngay cả những nông dân trồng cà phê quy mô gia đình quy mô nhỏ cũng có thể tham gia vào thương mại trực tiếp, cho phép nông dân tự định giá mà không bị ảnh hưởng bởi giá cà phê quốc tế.

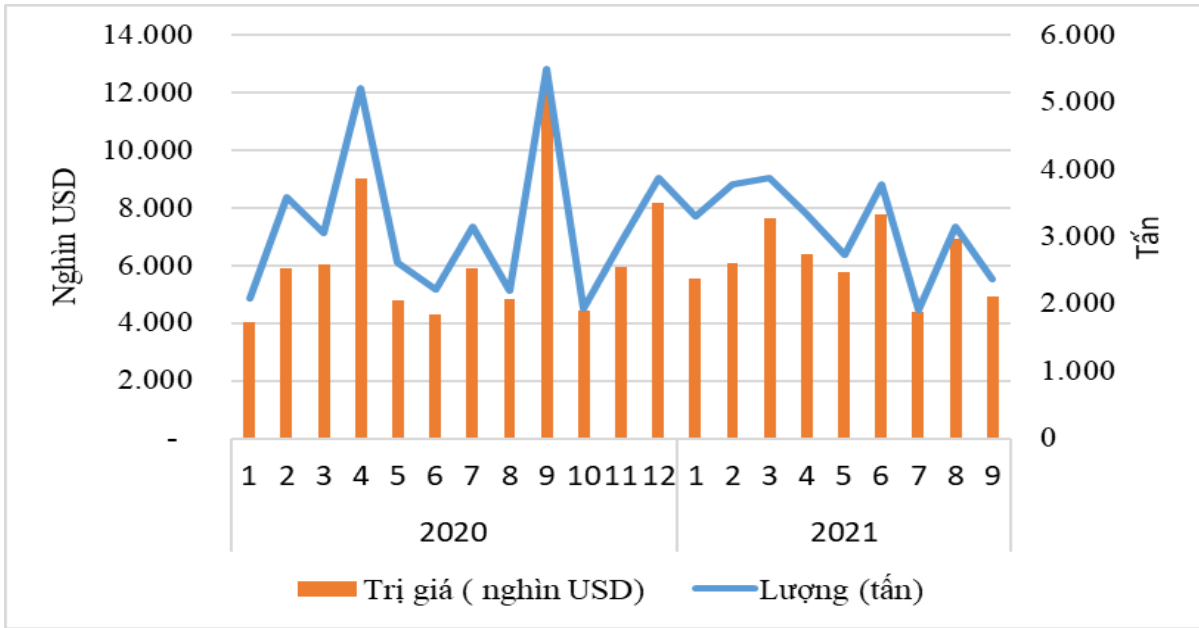
Doanh số bán cà phê tại các cửa hàng tiện lợi tại Hàn Quốc tăng lên trong thời gian qua. Tổng doanh số bán cà phê tách của 7-Eleven tăng 15,4% từ tháng 1 đến tháng 9 năm nay so với cùng kỳ năm ngoái. Cà phê tách chiếm 31,5% tổng doanh số bán đồ uống từ sữa trong năm nay, vượt qua con số 30% của năm ngoái (30,2%). Doanh số bán đồ uống từ cà phê chiếm 37% tổng doanh số bán đồ uống của E-Mart 24 trong tháng 8.

Hàn Quốc là quốc gia nhập khẩu cà phê đứng thứ 10 của Việt Nam, chiếm hơn 3% tổng lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 9/2021 đạt 2.367 tấn, trị giá 4,9 triệu USD, giảm 24,86% về lượng và giảm 29,05% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 9/2020, xuất khẩu cà phê giảm 56,93% về lượng và giảm 59,33% về giá trị.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2021 đạt 28,25 tấn, trị giá 55,44 triệu USD, tăng 4,81% về lượng và tăng 2,67% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.



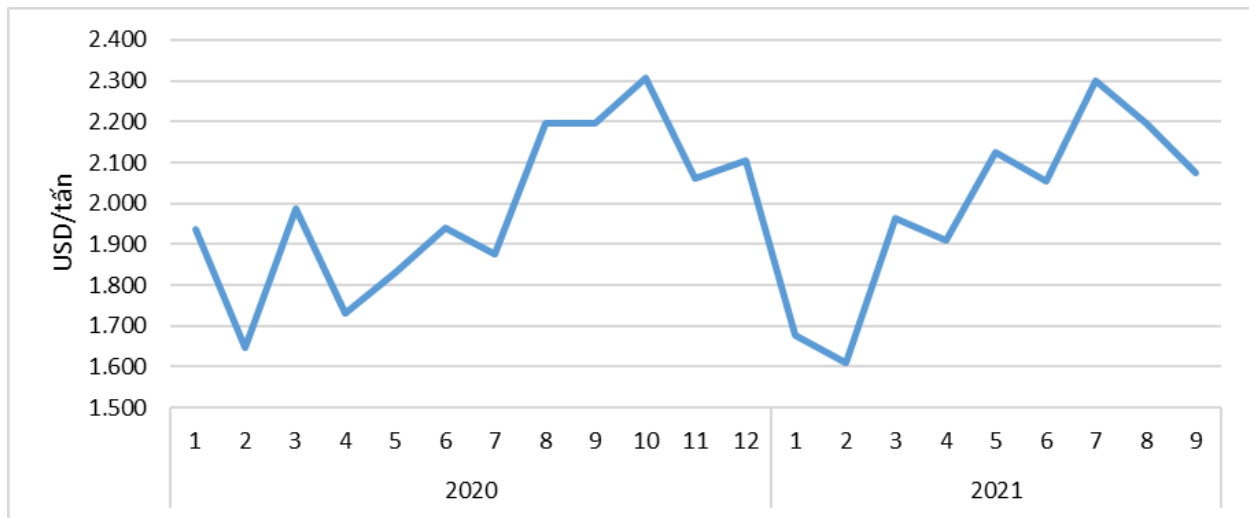
**Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 9/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc là 2.073 USD/tấn, giảm 5,58% so với tháng trước và giảm 5,58 % so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc**



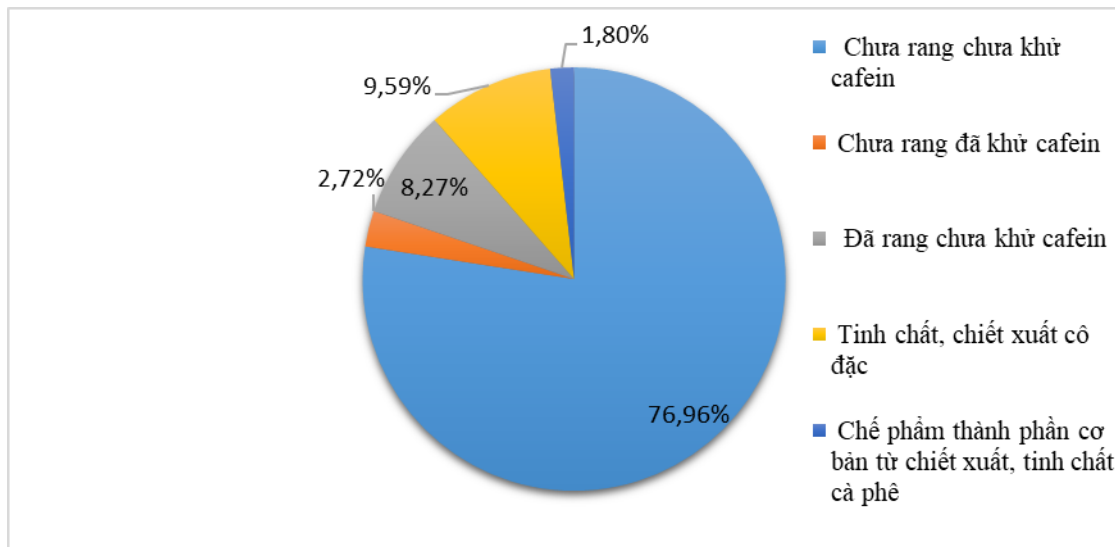
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Về cơ cấu sản phẩm, tháng 9/2021, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 88,61%, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 11,39% (cùng kỳ năm 2020 tỷ lệ này lần lượt là 71,29% và 28,71%). Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 9/2021 cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 3,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 79,96%, giảm 51,08% so cùng kỳ năm 2020. Tiếp đến là tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 471

nghìn USD, chiếm 9,59%, giảm 82,49% so cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 406 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 8,27%, giảm 45,49% so với cùng kỳ.

**Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là: Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập Khẩu 2-9 Đắc Lắc, Công ty TNHH Sucafina Việt Nam, Công ty TNHH Nestlé với thị phần lần lượt là: 42,93%; 12,57% và 11,43%.

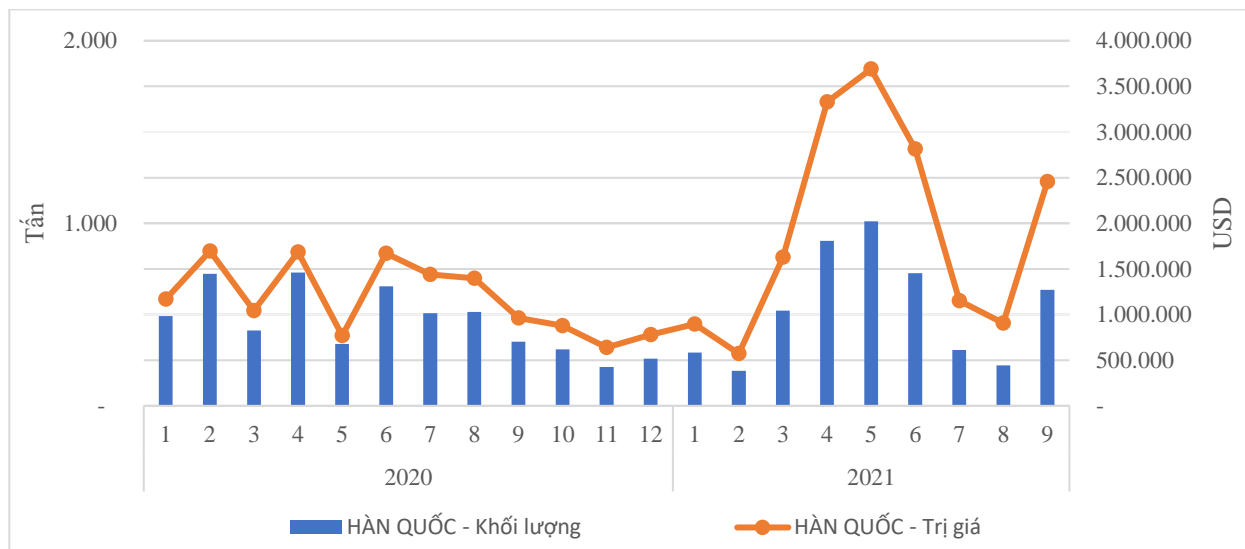
#### 4. HỒ TIÊU

Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hàn Quốc, nhập khẩu hạt tiêu của nước này trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 4.568 tấn, trị giá 19 triệu USD, giảm 20,9% về lượng, nhưng tăng 17% về trị giá so với 8 tháng đầu năm 2020. Giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của Hàn Quốc trong thời gian này đạt 4.161 USD/ tấn, tăng mạnh 47,8% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của Hàn Quốc từ hầu hết các nguồn cung chính tăng, ngoại trừ Thái Lan. Nhập khẩu hạt tiêu của Hàn Quốc từ Thái Lan tăng 195,3% về lượng và tăng 55,4% về trị giá so với 8 tháng đầu năm 2020, đạt 11 tấn, trị giá 115 nghìn USD. Thị phần hạt tiêu của Thái Lan trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc tăng từ 0,06% trong 8 tháng đầu năm 2020 lên 0,24% trong 8 tháng đầu năm 2021

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 9/2021 có xu hướng tăng trưởng trở lại sau khi sụt giảm mạnh ở tháng 8/2021. Trong tháng này, Việt Nam xuất khẩu được 636 tấn hồ tiêu với giá trị chưa tới 2,45 triệu USD, giảm tăng 187,78% về khối lượng

và 171,24% về giá trị so với tháng 8/2021 và tăng 80,68% về khối lượng và 154,81% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

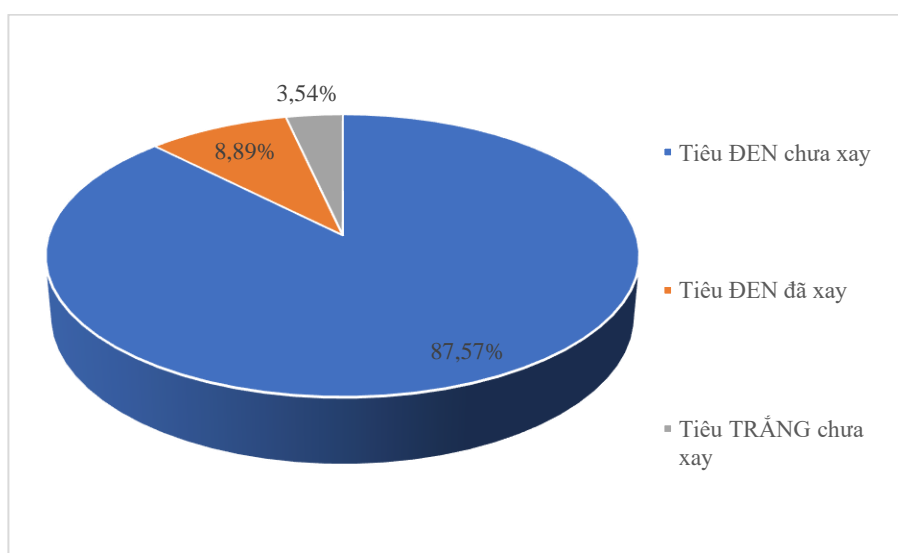
**Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục hải quan*

Trong tháng 9/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 87,57% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 10,08% so với tháng trước và 24,67% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là tiêu trắng chưa xay, đạt 452,47 nghìn USD, chiếm 8,89%, giảm 11,30% so với tháng trước và 1,57% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 9/2021**

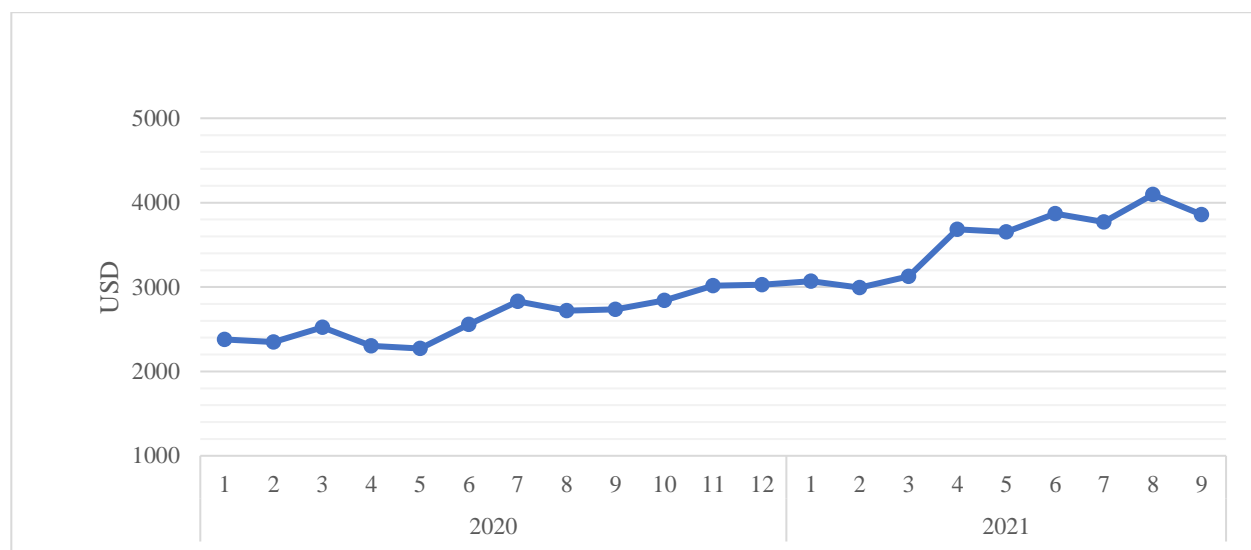


*Nguồn: Tổng cục hải quan*

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 9/2021 lại giảm, đạt mức 3.860 usd/tấn, giảm 5,7% so với tháng 8/202, nhưng tăng

41% so với cùng kỳ năm trước. Giá hồ tiêu xuất khẩu sang Hàn Quốc vẫn còn thấp so với nhiều thị trường xuất khẩu khác của hồ tiêu Việt Nam, đặc biệt là EU.

**Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)**



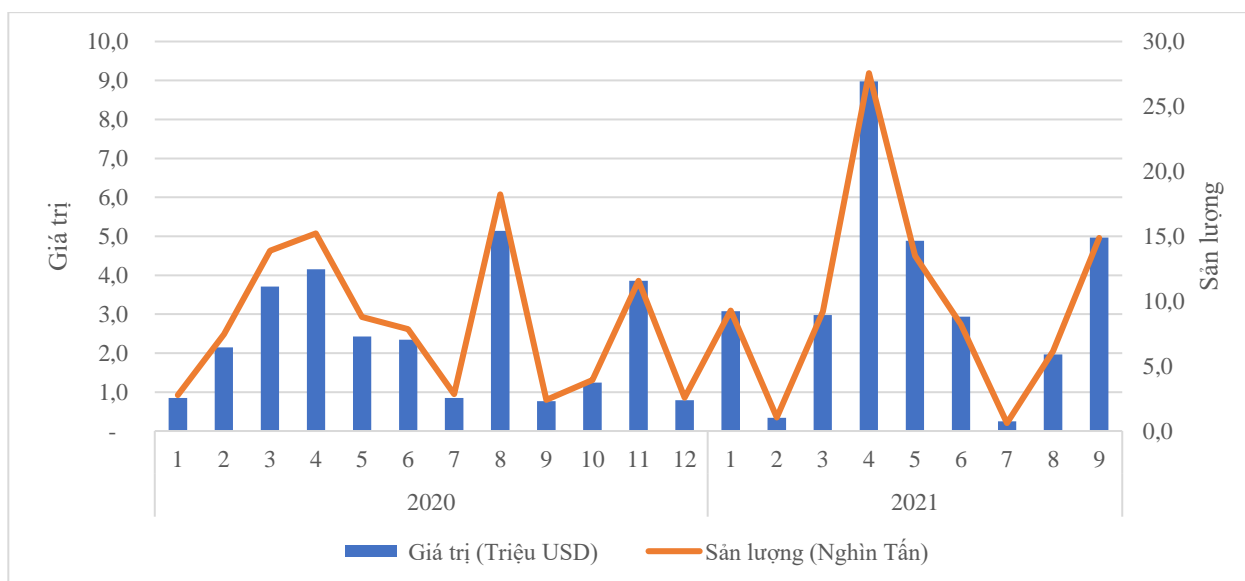
*Nguồn: Tổng cục hải quan*

Trong tháng 9/2021, top 3 công ty xuất khẩu lớn sang thị trường này: Công ty TNHH OTTOGI Việt Nam chiếm 64,49%; Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu 2-9 Đắc Lắc chiếm 7,35%

## 5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2021, Việt Nam xuất khẩu được 14.868 tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 4,97 triệu USD sang thị trường Hàn Quốc, tăng 141,7% về khối lượng và tăng 152,6% về giá trị so với tháng 8/2021; tăng 522,9% về khối lượng và tăng 549,2% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2021 đạt 87,9 nghìn tấn, trị giá 29,4 triệu USD, tăng 10,2% về khối lượng và tăng 31,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

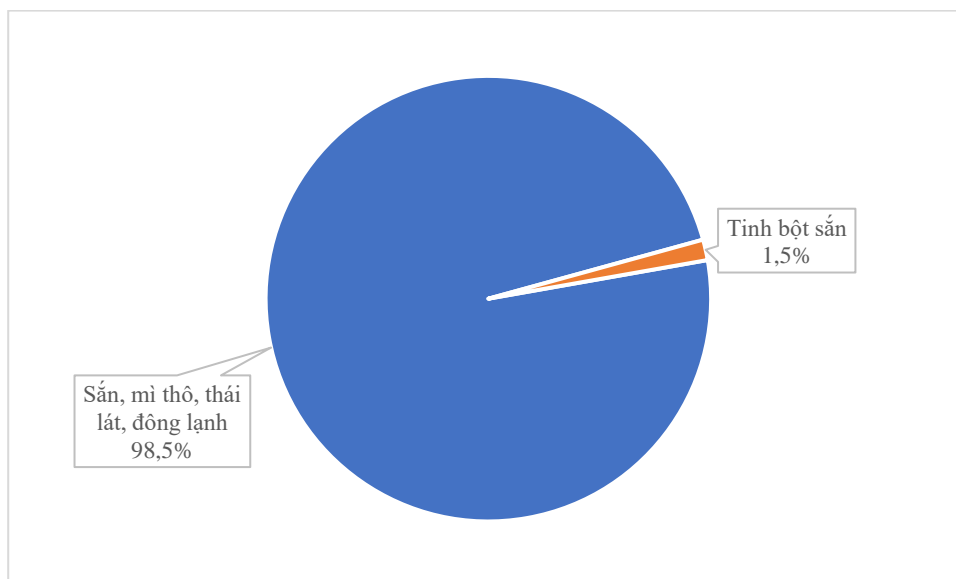
**Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 7,4% về khối lượng và 5,6% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 9 năm 2021. Trong đó, sản lát, đông lạnh đạt 4,9 triệu USD (chiếm 98,5% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường này), cao gấp 7,19 lần so với cùng kỳ năm 2020; tinh bột sản đạt 74,2 nghìn USD (chiếm 1,5%), giảm 12,9%.

**Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Hàn Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

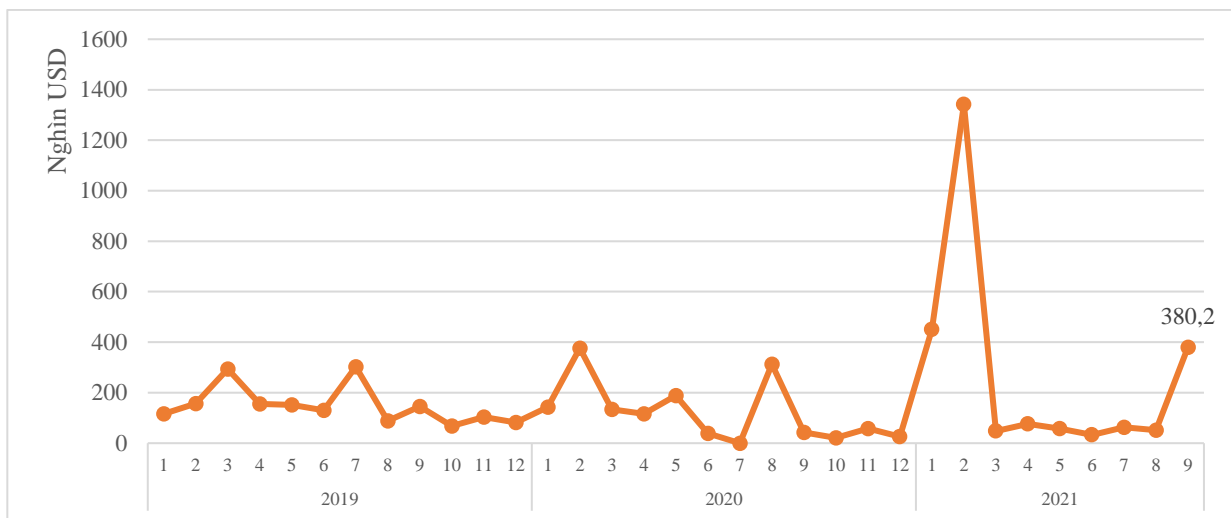
Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Thương mại XNK Hoàng Ngọc, Công ty Cổ

phần Nông sản Trảng An và Công ty Cổ phần Đầu tư Sáng tạo Á Châu với tỉ trọng xuất khẩu lần lượt là 44,8%; 42,6% và 11,2%.

## 6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Trong tháng 9/2021, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 380,2 nghìn USD, tăng 6,4 lần so với tháng 8, đưa tổng giá trị xuất khẩu 8 tháng đầu năm đạt 2,5 triệu USD, tăng 85% so với cùng kỳ năm 2020. Các sản phẩm chủ yếu được xuất khẩu trong tháng này gồm thịt ếch và thịt chế biến và động vật sống khác (Khỉ đuôi dài). Trong đó, chỉ có 3 doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu nhóm sản phẩm thịt, động vật sống sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 9 là Công ty liên doanh nuôi và phát triển khỉ Việt Nam, Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải Sản Sài Gòn, Và Công Ty TNHH Một Thành Viên Hùng Phúc.

**Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

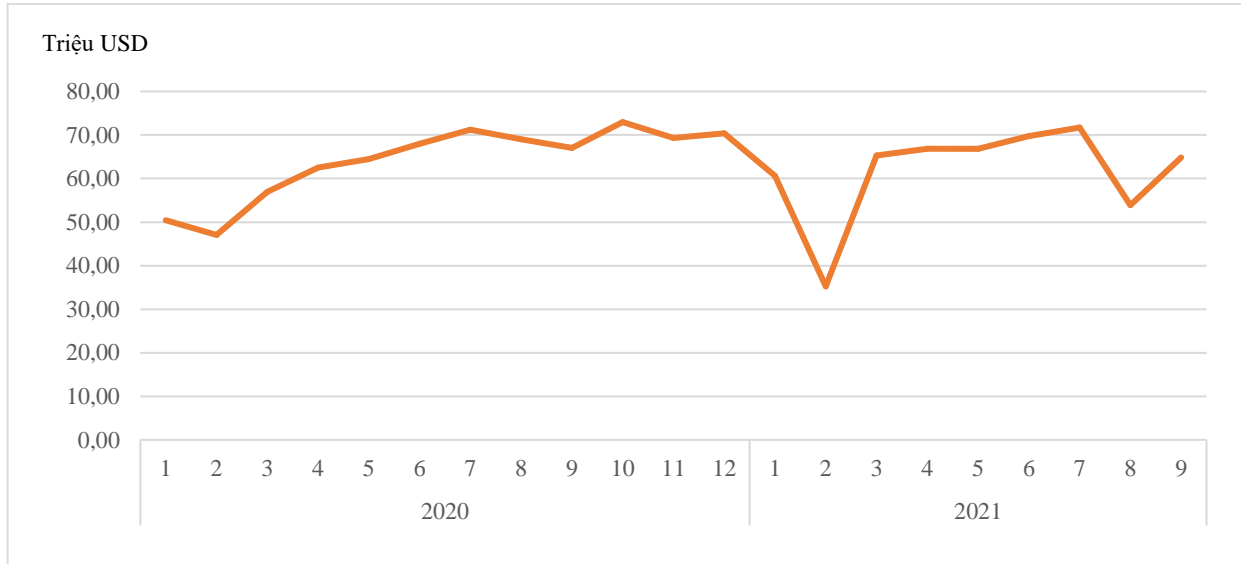
Về nhập khẩu, trong tháng 9/2021, Việt Nam đã nhập khẩu 4,46 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc, tăng 26% so với tháng trước, đưa tổng giá trị nhập khẩu 9 tháng đầu năm đạt 30,4 triệu USD, giảm 25,6% so với cùng kỳ năm 2020 (40,9 triệu USD). Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt gia cầm đã qua giết mổ và thịt chế biến.

## 7. THỦY SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt 64,84 triệu USD, giảm 3,3% so với cùng kỳ năm 2020, và tăng 20,3% so với tháng trước. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của

Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 9/2021 chiếm 48,6% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 30,3%.

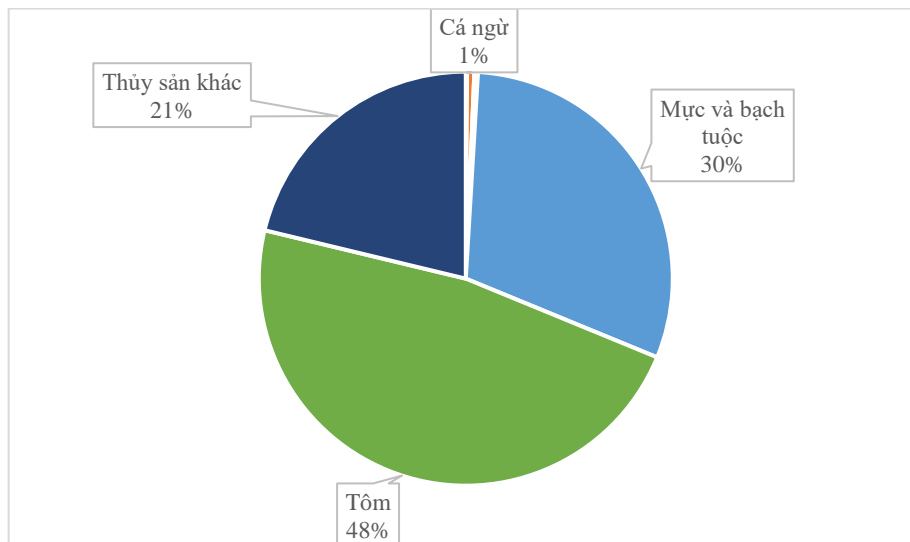
**Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tương tự các thị trường xuất khẩu thủy sản lớn của Việt Nam, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này có xu hướng giảm trong tháng 9 do tác động tiêu cực từ dịch Covid 19 lần thứ 4 bùng phát tại Việt Nam. Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đang có dấu hiệu tăng trưởng trở lại, tăng 20,3% so với tháng trước, đưa kim ngạch xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2021 đạt 556,53 triệu USD.

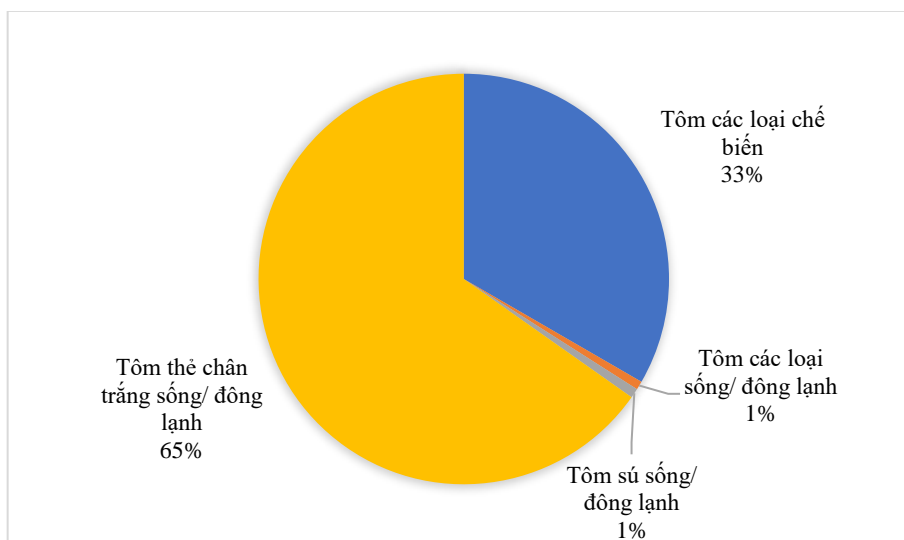
**Hình 16. Cơ cấu sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 9/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm trong tháng 9/2021 vẫn có xu hướng giảm nhẹ do ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid 19 mang lại. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm khoảng 65,2%, tôm các loại chế biến đứng thứ 2 chiếm 33,3% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

**Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 9/2021**

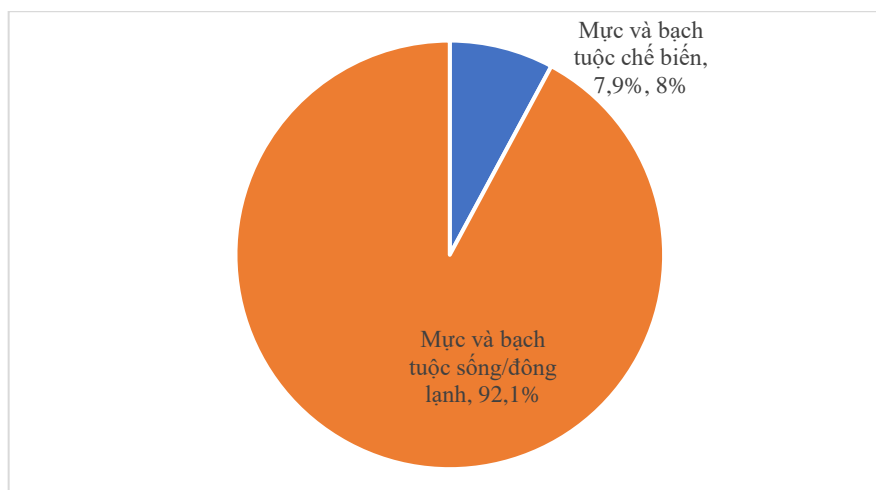


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 9/2021, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 20,11 triệu USD tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 10,28 triệu USD, tăng 1,2%; tôm sù sống/đông lạnh đạt 0,23 triệu USD, giảm 47,9%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,21 triệu USD, giảm 96%.

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 9 năm 2021 đạt 16,63 triệu USD, giảm 2,3% so với cùng kỳ năm 2020, tăng 34% so với tháng trước. Trong đó, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 18,08 triệu USD, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc chế biến đạt 1,54 triệu USD, giảm 4%.



**Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc tháng 9/2021**

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 9/2021: Cá da trơn đạt 0,06 triệu USD, tăng 36,2% so với cùng kỳ năm trước; cá rô phi đạt 0,17 triệu USD, tăng 28,5%; cá ngừ đạt 0,36 triệu USD giảm 40,9%; cua – ghẹ đạt 0,01 triệu USD, giảm 64,8%.

Tháng 9/2021, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản chính sang thị trường Hàn Quốc có xu hướng tăng nhẹ so với tháng 9/2020. Cụ thể: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 7,4 USD/kg, tăng 0,4%; Mực và bạch tuộc đạt 8,4 USD/kg, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm 2020.

**Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 9/2021**

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,1	-2,2%	-13,8%
2	Cá ngừ	4,3	-16,5%	-3,9%
3	Cá rô phi	2,5	0,4%	-0,6%
4	Cua, ghẹ	5,2	-2,2%	29,5%
5	Mực và bạch tuộc	8,4	2,6%	-6,4%
6	Tôm	7,4	0,4%	-8,2%

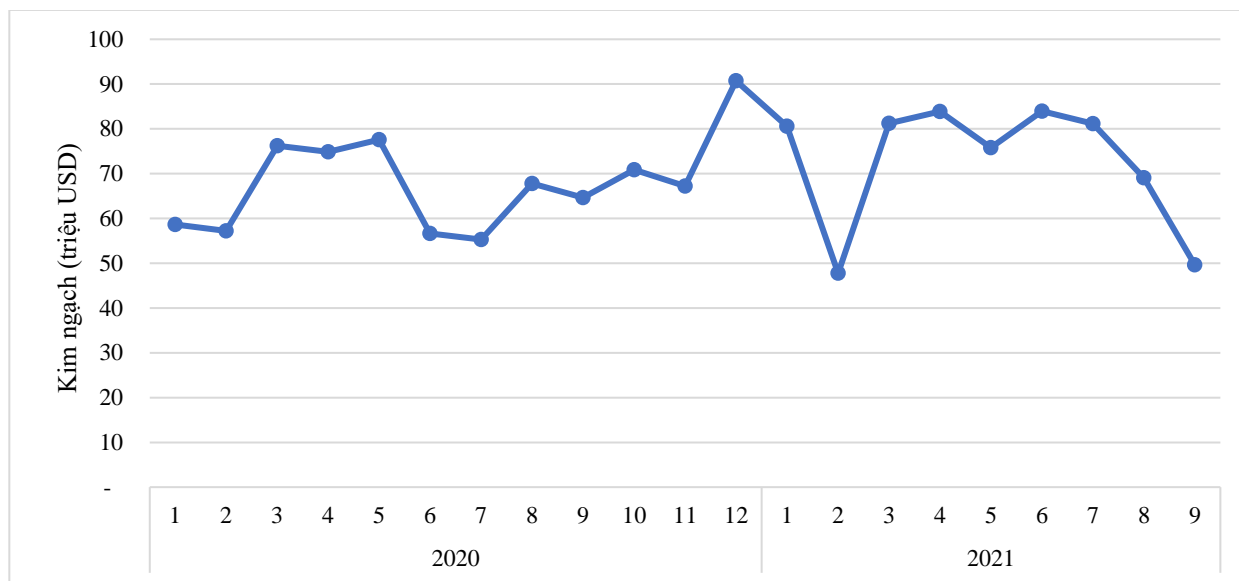
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 9 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty cổ phần chế biến thủy sản xuất nhập khẩu Kiên Cường chiếm 7,9% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty cổ phần tôm miền nam chiếm 5,6 %; Công ty cổ phần chế biến và dịch vụ thủy sản Cà Mau chiếm 4,4%.

## 8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 49,6 triệu USD, giảm 28,2% so với tháng trước và giảm 23,2% so với cùng kỳ năm 2020.

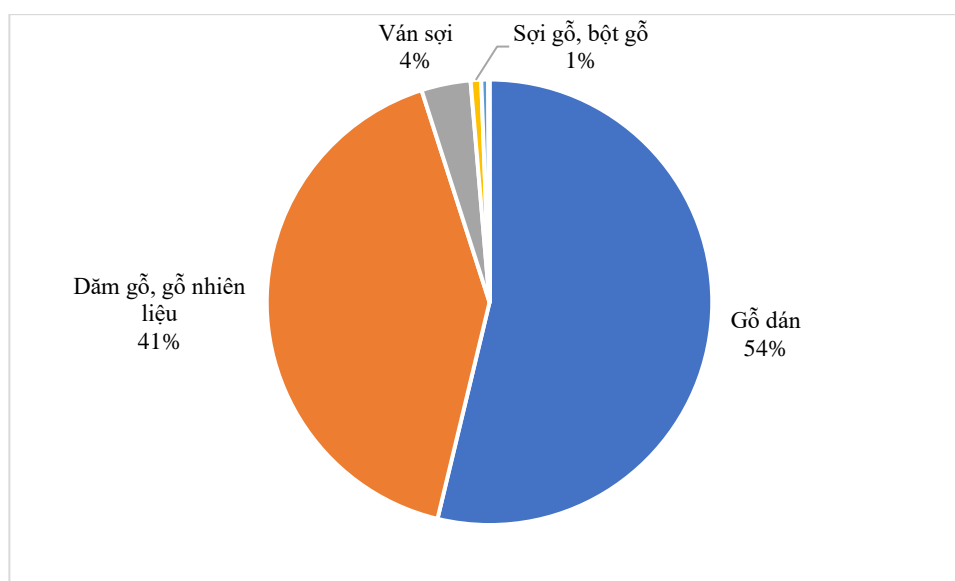
**Hình 19: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 9/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 20,7 triệu USD, chiếm 53,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là dăm gỗ với kim ngạch 15,9 triệu USD, chiếm 41,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 3,6% và 0,8% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

**Hình 20: Chứng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 9/2021**



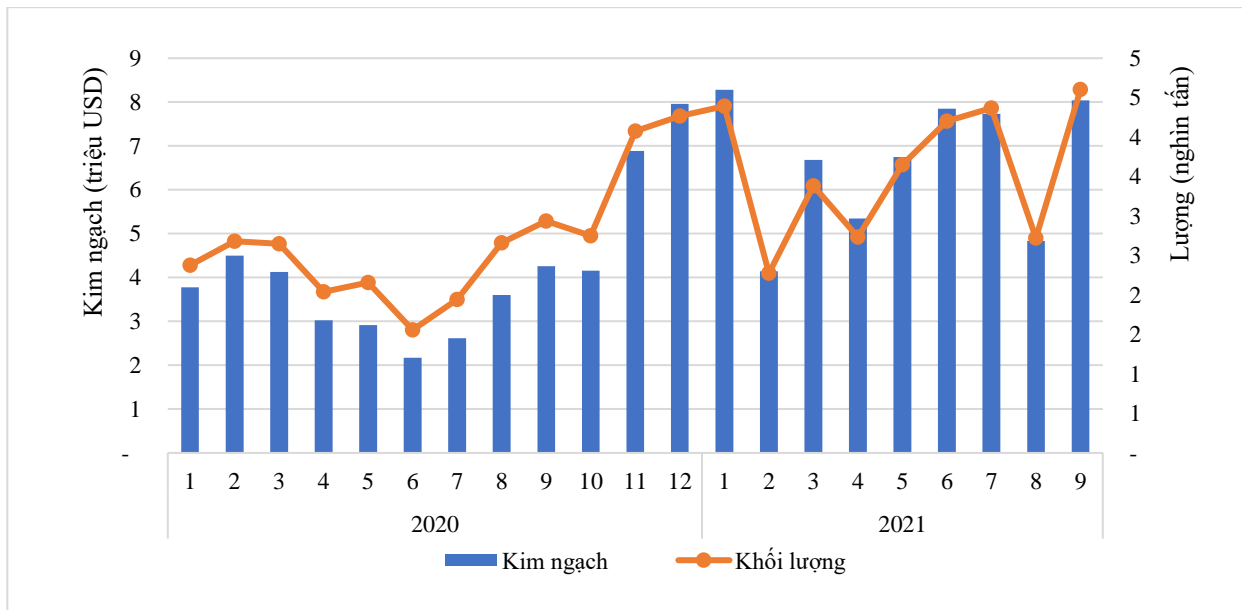
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc là Công ty CP Smart Wood Việt Nam, Công ty TNHH MTV Năng Lượng An Việt Phát, Công ty CP Cát Phú Quảng Ngãi. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 7,3%, 6,0% và 5,8% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Hàn Quốc.

## 9. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 4,6 nghìn tấn với trị giá 8,0 triệu USD, tăng 69,0% về khối lượng và 66,4% về giá trị so với tháng trước, và tăng 56,6% về khối lượng và 88,9% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

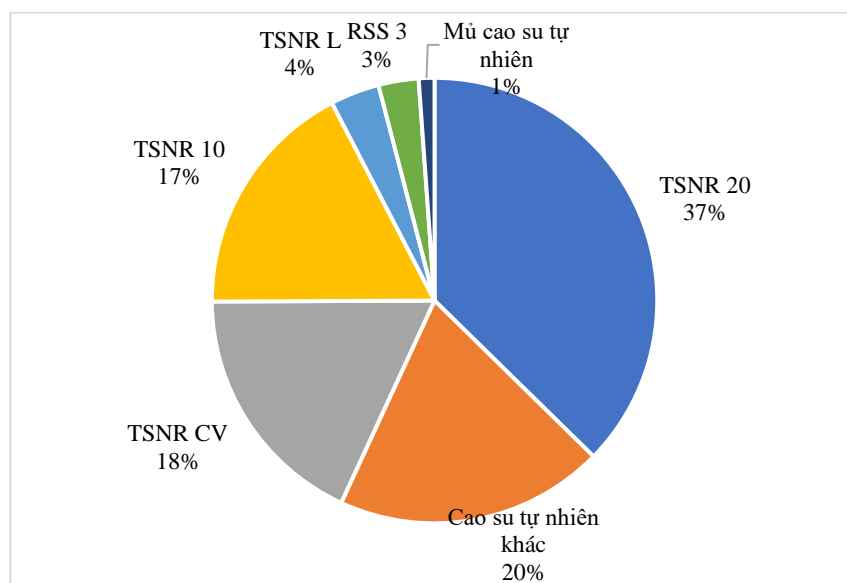
**Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 20 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 3,0 triệu USD, chiếm 37,3% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 1,4 triệu USD, chiếm 18,0% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 10 và TSNR L chiếm lần lượt 17,4% và 3,6% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

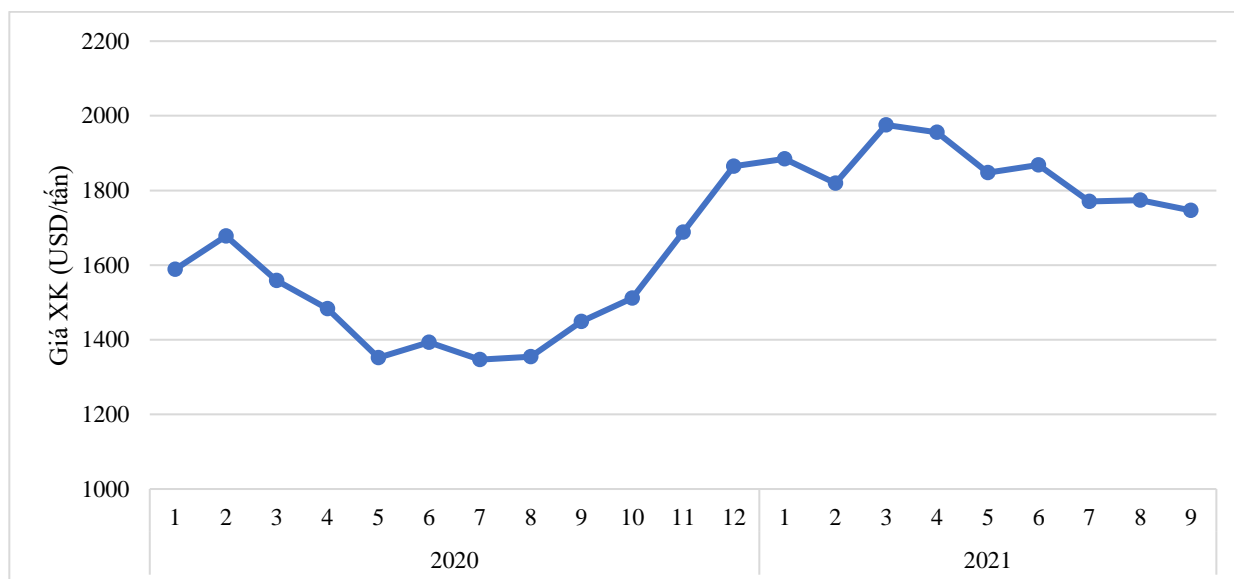
**Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 9/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.747 USD/tấn trong tháng 9/2021, giảm 1,5% so với tháng trước, nhưng tăng 20,6% so với cùng kỳ 2020.

**Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc là Công ty CP XNK Tổng hợp Bình Phước, Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh và Công ty CP Cao su Việt Phú Thịnh. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 40,4%, 12,9% và 9,0% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc.

# NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

---

## 1. Cà phê

Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu cà phê tiềm năng của Việt Nam bởi mức tiêu thụ cà phê của quốc gia này chiếm khoảng 6% tổng thị trường cà phê Châu Á - Thái Bình Dương. Theo Viện Kinh tế Hàn Quốc, mức tiêu thụ cà phê bình quân tính trên đầu người của Hàn Quốc đạt 2,3kg/người/năm. Theo dự đoán mới nhất của USDA ra vào tháng 6/2021, nhập khẩu cà phê các loại của Hàn Quốc niên vụ 2021/2022 sẽ là 3.350 nghìn bao, đứng thứ 9 toàn cầu, không đổi so với niên vụ trước, trong đó nhập khẩu cà phê nhân ở mức 2,7 triệu bao, nhập khẩu cà phê rang xay là 350 nghìn tấn, tiêu thụ nội địa là 3,05 triệu bao. Doanh số bán cà phê tại các cửa hàng đang có xu thế tăng lên.

## PHỤ LỤC

**Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 9/2021**

STT	Sản phẩm	T9/2021 (USD)	Tăng/giảm so với T9/2020	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	4.907.610	-18,67%	3,12%
2	Cao su	8.040.964	88,87%	5,11%
3	Gỗ và SP gỗ	49.619.886	-23,21%	31,53%
4	Hàng rau quả	12.527.343	51,07%	7,96%
5	Hàng thủy sản	64.843.911	-3,27%	41,20%
6	Hạt tiêu	2.454.965	154,81%	1,56%
7	Phân bón các loại	988.864	1854,47%	0,63%
8	Mây tre đan	1.706.910	-4,50%	1,08%
9	SP từ cao su	5.801.773	0,33%	3,69%
10	Sắn và SP từ sắn	4.967.589	549,18%	3,16%
11	TAGS & NL	1.518.231	1,33%	0,96%
<b>Tổng XK NLTS</b>		<b>157,378,046</b>		<b>100,00%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 9/2021**

TT	Loại sản phẩm	Tháng 9/2020		Tháng 9/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo thơm	0	0	61	32.950		
2.	Gạo trắng	8.980	3.123.244	24	9.912	-99,7%	-99,7%
3.	Các loại gạo khác	0	0	7	4.547		

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 9/2021**

Mặt hàng	T9/2020	T9/2021	So sánh 2020/2021	Tỷ trọng T9/2021
Chưa rang chưa khử cafein	7.721	3.777	-51,08%	76,96%
Chưa rang đã khử cafein	138	134	-3,40%	2,72%
Đã rang chưa khử cafein	744	406	-45,49%	8,27%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	2.688	471	-82,49%	9,59%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	777	88	-88,62%	1,80%
<b>Tổng</b>	<b>12.068</b>	<b>4.908</b>	<b>-59,33%</b>	<b>100,00%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 9/2021**

TT	Sản phẩm	Tháng 9/2020	Tháng 9/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	2021/2020
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>8.292.205</b>	<b>12.527.343</b>	<b>51,1%</b>
1	Hạt mè	2.965.029	4.048.789	36,6%
2	Chuối	640.269	1.569.821	145,2%
3	Xoài	377.286	922.963	144,6%
4	Ớt	529.613	747.154	41,1%
5	Sầu riêng	149.396	418.322	180,0%
6	Thanh long	277.211	399.915	44,3%
7	Khác	3.353.401	4.420.380	31,8%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 9/2021**

TT	Sản phẩm	T9/2020 (USD)	T9/2021 (USD)	So sánh 2021/2020
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	680.029	4.893.426	619,6%



2	Tinh bột sắn	85.181	74.163	-12,9%
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>765.210</b>	<b>4.967.589</b>	<b>549,2%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 9/2021**

Loại sản phẩm	Tháng 9/2021 (USD)	Tháng 9/2020 (USD)	So sánh 2021/20 (%)
Cá da trơn	64.770,00	179.143,52	-63,8%
Cá ngừ	364.116,50	616.112,80	-40,9%
Cá rô phi	169.191,00	131.615,30	28,5%
Cua, ghẹ	14.563,80	41.415,00	-64,8%
Mực và bạch tuộc	19.625.062,03	20.087.532,64	-2,3%
Tôm	30.832.770,64	29.546.762,21	4,4%
Thủy sản khác	13.773.437,03	16.433.085,53	-16,2%
<b>Tổng</b>	<b>64.843.911,00</b>	<b>67.035.667,00</b>	<b>-3,3%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*